

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA VÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 233 /2024/HNGĐ-ST

Ngày 25/6/2024

“V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Phúc Thịnh.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Hoan; Ông Nguyễn Xuân Thuật.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hạnh
- Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội đưa ra xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 90/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 06/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/6/2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Xuân T, sinh năm 1991

* *Bị đơn:* Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện B, TP. Hà Nội

(Chị T có mặt, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị Xuân T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Xuân T và Lê Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 08/02/2023. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại xã T, huyện B, thành phố Hà Nội. Cuộc sống vợ chồng ngay từ đầu đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính cách, mâu thuẫn giữa nàng dâu và mẹ chồng. Vợ chồng đã sống ly thân và cắt đứt

mọi quan hệ tình cảm từ ngày 10/11/2023. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về nợ chung: Không có

Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Lê Văn Đ vắng mặt không có lý do. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Đ, tổng đạt thông báo thụ lý và các giấy triệu tập đương sự, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Anh Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không chấp hành pháp luật, vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Đặng Thị Xuân T và anh Lê Văn Đ.

Quá trình xác minh, bà Lê Thị T1 (mẹ đẻ anh Lê Văn Đ) trình bày: Anh Đ và chị T kết hôn ngày 08/02/2023, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại xã T. Anh Đ, chị T chung sống hạnh phúc được 07 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm về kinh tế, thời gian tìm hiểu nhau ngắn, vợ chồng không hiểu nhau, không hợp tính cách, không tìm thấy tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng, không giải quyết được. Chị T đã về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng ly thân từ khoảng tháng 12/2023 cho đến nay. Anh Đ có nói chuyện với bà T1 là không còn tình cảm với chị T, chị T xin ly hôn anh Đ hoàn toàn nhất trí. Về con chung,: Giữa chị T và anh Đ không có. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Giữa chị T và anh Đ không có.

UBND xã T cung cấp thông tin: Anh Đ kết hôn với chị T ngày 08/02/2023, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại xã T. Chung sống hạnh phúc được 7 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính cách, mâu thuẫn trầm trọng, không giải quyết được. Chị T đã trở về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 12/2023 cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh Đ, quan điểm của chính quyền địa phương là đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật, nếu không hòa giải được thì giải quyết ly hôn theo quy định pháp luật. Về con chung: Giữa anh Đ và chị T không có. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chính quyền địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa: Chị T giữ nguyên quan điểm của mình về hôn nhân, con chung, tài sản chung, công sức, nợ chung. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát có bài phát biểu tại phiên tòa: Về trình tự tố tụng giải quyết vụ án được TAND huyện Ba Vì tuân thủ đúng và đầy đủ theo quy định tố tụng dân sự. Từ

khi nhận đơn, giải quyết đơn, ra thông báo thụ lý, lấy lời khai và ra quyết định xét xử, tổng đạt, các văn bản tố tụng đều hợp lệ và đều đảm bảo đúng quy trình tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Xử: Cho chị Đặng Thị Xuân T được ly hôn anh Lê Văn Đ. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chưa xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Lê Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện B, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, anh Đ vắng mặt không có lý do. Do vậy, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đặng Thị Xuân T và anh Lê Văn Đ là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký tại UBND xã T ngày 17/02/2012. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính cách, vợ chồng không chia sẻ được với nhau, không hiểu nhau, mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, không giải quyết được. Nay chị T xác định tình cảm không còn nên xin ly hôn. HĐXX xét thấy giữa chị T và anh Đ đã phát sinh mâu thuẫn và hiện đã ly thân được một thời gian, chị T kiên quyết ly hôn, anh Đ không đến Tòa án làm việc, không thể hiện quan điểm, không thiện chí hòa giải nhưng thông qua lời trình bày của bà T1 (mẹ anh Đ) thể hiện anh Đ cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và có nguyện vọng ly hôn chị T, thể hiện giữa vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn để tiếp tục chung sống với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, không thể hàn gắn đoàn tụ được nữa. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh Đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chưa xem xét.

- Về án phí: Chị Đặng Thị Xuân T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; 228; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Q.

Xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị Xuân T đối với anh Lê Văn Đ. Cho chị Đặng Thị Xuân T được ly hôn anh Lê Văn Đ.

[2]. Về con chung: Không có

[3]. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Chưa xem xét

[4]. Về án phí: Chị Đặng Thị Xuân T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đặng Thị Xuân T đã nộp tại biên lai số: 0014019 ngày 18/03/2024 tại Chi cục Thi hành án huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

[5]. Quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị Xuân T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Lê Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện
- Người tham gia tố tụng
- UBND xã TH
- THA dân sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phúc Thịnh

